

LỊCH SỬ VIỆT NAM QUA CÁCH NHÌN CỦA HỌC GIẢ NHẬT BẢN FURUTA MOTOO

PHONG LÊ *

Cuốn sách "Việt Nam trong lịch sử thế giới" của GS. Furuta Motoo - trường Đại học Tôkyô được dịch và in vào tháng 10 - 1998 ở Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. Là cuốn sách về sử, nhưng tôi lại đọc rất chuyên tâm và thú vị.

Sử Việt Nam - câu chuyện tôi tưởng đã quá quen thuộc trong nhà trường và trong nghề nghiệp suốt nhiều chục năm. Điều gọi tò mò và kích thích tôi đọc - đó là được viết bởi một học giả Nhật Bản. Và với cái tên sách: *Việt Nam trong lịch sử thế giới*.

Tên sách gọi tôi nghĩ đến một cách đặt vấn đề, một cách soi xét mới: Lấy thế giới làm bối cảnh, làm đường viền để nhận dạng lịch sử Việt Nam. Sự thật thì sự nhận diện một đối tượng nào chăng phải chọn một bối cảnh. Vấn đề đặt ra ở đây là bối cảnh nào? Và vấn đề còn là ở cả cái nhìn từ hai chiều: chiều từ thế giới nhìn vào Việt Nam, và chiều từ cách Việt Nam xác định vị thế của mình trong thế giới.

Trước hết hãy xem đây là thế giới nào? Đường như lâu nay việc nghiên cứu Việt Nam chúng ta thường xác định một bối cảnh có khác.

Đó là Bắc - Nam (trong mấy thiên niên kỷ Cổ và Trung đại), rồi Đông - Tây. Và trong cái phương Đông mà ta hiểu dường như vẫn chưa có đủ ngoại diên toàn vẹn của nó.

Đọc cuốn sách của giáo sư Furuta Motoo tôi thấy có một bối cảnh khác, một đường viền khác, được soi sáng bởi những khái niệm mới - đó là khái niệm "Quốc gia khu vực" và "Quốc gia phổ biến" và sự thật tôi đã tìm thấy được nhiều điều mới mẻ thông qua hai khái niệm này trong sự trình bày của tác giả.

Tôi sẽ không làm cái việc không cần thiết là trình bày lại toàn bộ nội dung cuốn sách dựa theo tiến trình lịch sử Việt Nam từ cổ đại đến nay, mà chỉ giới hạn ở sự giới thiệu *Mục lục* gồm 6 chương. Nhìn vào 6 chương sách thấy rõ tác giả dành sự ưu tiên cho lịch sử Cận và Hiện đại - chiếm đến 5 chương. Thế nhưng đầu toàn bộ phần Cổ và Trung đại chỉ gói gọn trong Chương I, *Có tên Việt Nam trong thế giới*, tôi nghĩ tác giả cũng đã nói được những đường nét cơ bản của hàng ngàn năm lịch sử đủ làm cơ sở cho sự trình bày của 5 chương sau. Chương II: *Sự thống*

* GS. Viện Văn học.

trị của thực dân Pháp và chủ nghĩa dân tộc, trình bày lịch sử từ nửa sau thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX. Chương III: *Đảng Cộng sản Đông Dương trong lịch sử Việt Nam*, như chính tiêu đề, đó là thời kỳ từ giữa những năm 20 đến trước Thế chiến Hai, với trọng tâm là quá trình thành lập Đảng và vai trò của Đảng, dưới các tên gọi khác nhau, thoạt đầu là Đảng Cộng sản Việt Nam, rồi sau là Đảng Cộng sản Đông Dương. Chương IV: *Thời đại độc lập trở thành hiện thực và Việt Nam "nhà nước khu vực"*: từ Thế chiến Hai qua Cách mạng tháng 8 - 1945 đến trước 1950, khi nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa ra đời. Chương V: *Việt Nam một "quốc gia phổ biến" của thời kỳ chiến tranh lạnh*: từ 1950 đến 1979, khi kết thúc chiến tranh biên giới phía Bắc. Chương IV : *Trên đường đi tới "Nhà nước khu vực"*: thời kỳ từ sau 1979 đến nay.

Nhìn vào cấu trúc các chương như trên thấy có khác ít nhiều với cách phân kỳ lịch sử của ta; bởi, tác giả, như tên sách gợi ra, đã có một cách nhìn khác, nhìn Việt Nam "trong lịch sử thế giới", một lô gích khác, một trật tự khác có ý nghĩa làm mới nhận thức về lịch sử Việt Nam. Mặt khác, cũng qua các chương mục như trên ta thấy sự sống động của cách trình bày, không phải như một biên niên sử, với sự liên tục của các sự kiện. Cuốn sách không theo kiểu biên niên sử thông thường và cũng không nô lệ vào các sự kiện. Cuốn sách hướng tới một lô gích tổng quan rút từ mối quan hệ giữa Việt Nam và thế giới, với hai quy mô, hai loại hình là: "khu vực" và "phổ biến"; đồng thời lại không bỏ qua yêu cầu nhận thức tổng thể nhiều mặt diện mạo lịch sử, gắn với các sự kiện chính trị lớn - cố nhiên, đồng thời gắn với bối cảnh xã hội, với các hiện tượng kinh tế, văn hoá, thậm chí cả với sự giải thích về

dân tộc học, về các trạng huống ngôn ngữ... Tóm lại, tuy mục tiêu cuối cùng là sử, nhưng diện mạo chung của đời sống dân tộc Việt Nam trong hai thế kỷ XIX và XX vẫn có thể hiện lên trong sự soi sáng từ nhiều phương diện khác của đời sống kinh tế, xã hội và sinh hoạt văn hoá, tinh thần của con người.

Như vậy, *Việt Nam trong lịch sử thế giới* đã được viết không phải với các quan niệm quen thuộc như chúng ta thường thấy.

*
* *

Ý tưởng xuyên suốt quan trọng nhất làm nên cấu trúc của cuốn sách, đó là *tính Đông Nam Á* của Việt Nam, gắn với khái niệm Quốc gia khu vực.

Nhìn tổng thể lịch sử Việt Nam, thì mối quan hệ chi phối hàng ngàn năm Cổ đại và Trung đại, đó là mối quan hệ Bắc - Nam. Đây là vấn đề khởi cần phải nói dài; và chính tác giả cũng đã trình bày rất súc tích trong Chương I, khi nói đến quá trình "Trung Quốc hoá" để "tăng cường tính độc lập với Trung Quốc", tức là "Trung Quốc hoá" để "thoát khỏi Trung Quốc". Bởi "Trung Quốc hoá" ở đây chính là "văn minh hoá". Là sự phân biệt quốc gia có địa giới cụ thể là Trung Quốc với nền văn minh Trung Hoa khởi nguồn từ Trung Quốc, có sức toả rộng và chi phối một phần thế giới phương Đông. Việt Nam phải "văn minh hoá", tức phải học Trung Quốc trên ý thức quốc gia tự chủ. Và "ý thức quốc gia được hình thành trong quá trình văn minh hoá để thoát khỏi sự đô hộ Trung Quốc" - đó là "ý thức nước Nam", đó là sự đối diện và đối lập với Bắc - là Trung Quốc.

Có điều đáng lưu ý, theo tác giả, trước khi đi vào con đường Trung Quốc hoá một cách có ý thức, thì trên lãnh địa Việt Nam đầu thời Trung đại cũng đã có lúc in đậm dấu ấn Đông Nam Á, với biểu hiện là Nhà nước không theo kiểu Trung Quốc với "quy tắc kế thừa vương vị" mà theo kiểu Đông Nam Á là "đề cao năng lực cá nhân của nhà vua" (tr.20).

Vấn đề mối quan hệ Bắc - Nam rõ ràng đã chi phối nhiều thiên niên kỷ lịch sử bang giao Trung Quốc - Việt Nam, cho đến lúc xuất hiện bốn câu thơ:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư

...

Ở đây là nước *Nam*, chứ không phải một phiên thuộc của phương Bắc; là gắn với *Nam đế*, đề chú không phải *vương*, như một phiên thần của Thiên triều.

Mối quan hệ Bắc - Nam này vẫn tiếp tục chi phối cho đến giữa thế kỷ XIX khi chủ nghĩa thực dân phương Tây thâm nhập vào thế giới phương Đông.

Từ giữa thế kỷ XIX trở đi, ở Việt Nam, mối quan hệ Bắc - Nam được thay dần bằng quan hệ Đông - Tây, như trong ý đồ của chủ nghĩa thực dân và như đã diễn ra trong thực tế. Từ 1884, sau hiệp ước Patenôtre và sau thất bại của nhà Thanh trong chiến tranh Trung - Pháp 1884 - 1885, Việt Nam bỗng mất dần tên gọi trên bản đồ. Khái niệm Liên bang Đông Dương gồm ba xứ Việt - Lào - Campuchia lần đầu tiên xuất hiện vào năm 1887, trong đó Nam Kỳ là thuộc địa, còn Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Lào, Campuchia được gọi là bảo hộ. Số phận Việt Nam từ nay gắn với hai nước láng giềng Lào, Campuchia trong tên gọi chung là Đông Dương hoặc Đông Pháp - nước Pháp ở

phía Đông. Khái niệm Đông Dương xuất hiện dưới sự thống trị của thực dân Pháp đã đưa Việt Nam từ địa bàn Đông Á chịu ảnh hưởng văn minh Trung Hoa vào cùng một cụm với Lào, Campuchia thuộc địa bàn Đông Nam Á, chịu ảnh hưởng văn minh Ấn Độ. Tức là khu vực "về mặt lịch sử chưa hề có được nền văn minh và quyền lực có tính thống nhất mà là xã hội bao gồm các nền văn minh rất khác nhau về chất" (tr.34). Như vậy, trong lịch sử Việt Nam ít gắn bó với hai nước láng giềng, từ giữa thế kỷ XIX trở đi cả ba đã cùng chung một số phận. Đông Dương, kể từ khi khái niệm đó xuất hiện đem lại những dấu ấn mới trên địa bàn Việt Nam và trong mối quan hệ Việt Nam và thế giới.

Như vậy từ đây, điều hiển nhiên, trên địa bàn Đông Dương đã có phẩm chất Đông Nam Á, thay cho khái niệm Đông Á vốn được quan niệm là mấy nước "đồng văn", "đồng chủng" chịu ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa. Sự nhạt mờ tính Đông Á này cố nhiên đã diễn ra ngay sau thất bại của nhà Thanh cho đến khi Nhật Bản lên vũ đài; từng có lúc nó được ghi nhận trong thơ ca:

Văn minh Đông Á trời thu sạch

Này lúc cương thường đảo ngược ru.

Để hiểu chính sách của chủ nghĩa thực dân phương Tây là muốn cắt đứt hẳn các mối quan hệ với Trung Hoa của Việt Nam, và cả ba nước trên địa bàn Đông Dương.

Dĩ nhiên là có sự hiện hữu trong lịch sử và địa lý khu vực Đông Nam Á gồm các nước ở phần đảo hoặc bán đảo ở phía Đông Nam Châu Á - kề cận với hai lục địa lớn là Trung Hoa và Ấn Độ. Thế nhưng đối với Việt Nam từ giữa thế kỷ XIX trở về trước lại ít có sự liên hệ với khu

vực địa lý và dân cư này. Lý do: ngoài sức ép lớn đến từ mối quan hệ Bắc - Nam, có thể còn do sự cách bức về biển và các chướng ngại của tự nhiên.

Khái niệm Đông Nam Á, trong đó có sự hiện diện của Đông Dương và Việt Nam chính thức xuất hiện khi quân phiệt Nhật vào Đông Dương năm 1940. "Cụm từ South East Asia" (Đông Nam Á) được sử dụng rộng rãi trên thế giới là bắt đầu từ "Bộ Tư lệnh Đông Nam Á" được thành lập năm 1943 để đối phó với quân Đồng minh tấn công khu vực này. Với ý nghĩa này, cuộc chiến tranh Thế giới lần thứ Hai đã làm xuất hiện phạm trù khu vực mới là Đông Nam Á trên vũ đài lịch sử thế giới (tr.100).

Khái niệm Đông Nam Á xuất hiện tiếp ngay sau khi chiến tranh kết thúc trong bản *Chỉ thị kháng chiến kiến quốc của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương* ngày 25-11-1945 (tr.132).

Thêm một lần nữa, khái niệm Đông Nam Á lại được dùng vào tháng 9 - 1947 khi Liên minh Đông Nam Á (South East Asia League) được thành lập gồm Thái Lan và ba nước Đông Dương. Nhưng Liên minh đã sớm tan do chính biến ở Thái Lan đưa phái quân nhân chống Cộng Pibun Song khram lên nắm quyền thay cho phái tự do Pridi Phanomyong.

Từ 1950, khi nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời, cuộc kháng chiến của ba dân tộc Đông Dương bỗng chuyển sang một cục diện mới, gắn với hệ thống Xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu. Chiến tranh Đông Dương bước vào giai đoạn mới của nó, từ 1950 đến 1954 đã trở thành điểm nóng trong cục diện chiến tranh lạnh giữa hai phe. Và Việt Nam, trong bối cảnh mới

đó đã từ vị thế một "quốc gia khu vực" vừa mới tồn tại trong mấy năm sau 1945 bỗng chuyển thành "quốc gia phổ biến", như một lô gích khó tránh, nhưng lại có mặt không bình thường trong diễn tiến của lịch sử.

Từ 1950 đến 1979, qua hai cuộc chiến tranh trong cục diện chiến tranh lạnh giữa hai phe, Việt Nam, từ vị trí "biên cảnh" lại trở thành "tiền đầu" nói cách khác, Việt Nam phải thực hiện một sứ mệnh lớn hơn bản thân nó, sứ mệnh của một "quốc gia phổ biến", tức là thành viên của phe.

Kể từ 1950, khi Việt Nam khai thông với phe Xã hội chủ nghĩa do sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa cho đến khi phe Xã hội chủ nghĩa tan vỡ, đó là 40 năm Việt Nam ở vị thế một "Quốc gia phổ biến", dầu muốn hoặc không, theo cách nói của tác giả: "Thế là cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất đã mang đậm màu sắc của cuộc "chiến tranh nóng" thực tế, và bị cuốn hút vào guồng máy chiến tranh lạnh giữa hai phe Đông - Tây" (tr.146).

Từ khởi động công cuộc Đổi mới chuyển vào thập niên 90, khi Việt Nam, trong chính sách ngoại giao muốn làm bạn với cả thế giới, khi sự bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc, rồi với Mỹ diễn ra, và khi Việt Nam tham gia vào khối ASEAN, theo tác giả, Việt Nam lại chuyển trở về vị thế của "Quốc gia khu vực". Chương VI: *Trên đường đi tới "nhà nước khu vực"*, tác giả dành để nói kỹ nội dung này. Đó là *Tính đa dạng của Việt Nam* hay sự nhận thức lại về tính Đông Nam Á; và Việt Nam - một "quốc gia khu vực".

Rõ ràng lịch sử đã có sự sắp xếp cho một cuộc đi vòng, bởi một áp lực quá lớn của tính "phổ biến". Mọi tìm kiếm những con đường riêng quả khó thực hiện được trong từ trường

chung đó. Thế nhưng rốt cuộc cuộc đi vòng vẫn thực hiện được trở về với đích của nó. Công cuộc Đổi mới diễn ra từ cuối 1986, trong thực chất, là sự nhận lại chính gương mặt mình, là sự "tự tìm ra mình"; cũng tức là sự nhận lại chính các quy luật khách quan của lịch sử không thể thay đổi, hoặc làm trái với nó được.

Trở lại ý kiến của tác giả về "Tính đa dạng của Việt Nam". Quả có sự thật như thế, trong qua trình Việt Nam cưỡng lại âm mưu đồng hoá của phong kiến Trung Quốc hàng nghìn năm. Cũng tức là quá trình tiếp nhận văn minh Trung Hoa để khẳng định bản lĩnh độc lập của mình. Tính đa dạng, để trong từ trường Đông Á mà khẳng định gương mặt phía Nam - trong tồn tại ngót một nghìn năm. *Tính đa dạng*, trong quá trình tiếp nhận các yếu tố mới đến từ cộng đồng Đông Dương và Đông Nam Á mà lịch sử đã thu xếp cho Việt Nam trở thành một thành viên có cùng vận mệnh. *Tính đa dạng*, trong các kết quả la tinh hoá chữ viết dân tộc để sớm tiếp nhận các ảnh hưởng phương Tây theo xu thế hiện đại hoá. *Tính đa dạng*, như được minh chứng trong các kết quả nghiên cứu về dân tộc học - đó là sự bao gồm trong cộng đồng dân tộc Việt Nam các thành phần thuộc hệ Thái, hệ Môn - Khơme, hệ Mã Lai, và do vậy, muốn "lý giải về Việt Nam cần đặt nó vào trong Đông Nam Á để suy xét" (tr. 269).

Tính đa dạng Việt Nam như vậy đã được nhận thức và khẳng định vào thập niên cuối thế kỷ XX khi Việt Nam là thành viên của cộng đồng 10 nước thuộc khu vực Đông Nam Á, tức là khi Việt Nam trở lại vị thế của một "Quốc gia khu vực".

Đó là sự nhận thức có tính xuyên suốt của Việt Nam trong lịch sử thế giới qua cách nhìn của tác giả mà tôi tiếp nhận được, để từ cơ sở đó mà mở rộng sự suy nghĩ trên rất nhiều vấn đề, nhiều khía cạnh của lịch sử dân tộc.

Cố nhiên đây không phải là toàn bộ nội dung cuốn sách, bởi sự đề cập khá rộng và sự triển khai nhiều ý tưởng mới mẻ của tác giả trên không ít vấn đề của lịch sử Việt Nam qua 6 chương sách.

Có thể nói rằng cuốn sách "Việt Nam trong lịch sử thế giới" đã cho chúng ta thấy rằng tác giả là người khá "thuộc" về Việt Nam, qua cách trình bày về Cải cách ruộng đất và Sửa sai; về tình hình thời bao cấp và con đường người nông dân đi từ mảnh đất "phần trăm" đến tự động "khoán chui", rồi hồ hởi đón nhận chỉ thị khoán Mười...

Hy vọng cuốn sách gợi mở được nhiều vấn đề mới mẻ, thú vị cho các giới nghiên cứu. Có điều tôi hơi tiếc là, dấu đã ghi "Sách tham khảo" nhưng vẫn để lại quá nhiều ký hiệu (...). Tôi rất mong được đọc trọn vẹn để hiểu được thấu đáo các quan niệm và ý tưởng của tác giả. Một điều đáng tiếc nữa là có nhiều câu, nhiều đoạn trong văn dịch còn khó hiểu, có lẽ do người dịch và người hiệu đính chưa nắm được thật rõ ý tác giả.

Cảm ơn Giáo sư Furuta Motoo và cảm ơn nhà xuất bản Chính trị quốc gia đã cho tôi tiếp xúc với một cuốn sách thú vị, viết về sử mà rất cần cho nhiều bộ môn khoa học xã hội, cho văn hoá sử, văn học sử.